

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

---

Hà Nội - Tháng 8 năm 2023



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 42



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 7 năm 2001. Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010, Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 29/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311315 thay đổi lần thứ 15 ngày 29/12/2021 là 506.819.270.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm mười chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán PHIC.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch
Ông Trần Hồng Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Trần Huy Tường	Thành viên
Ông Đỗ Nguyên An	Thành viên
Ông Nguyễn Công Khanh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Thành viên

#### BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Như Phi	Trưởng ban
Ông Cao Xuân Dũng	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Tuyền	Thành viên

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Hồng Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thắng Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lã Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/6/2023)









Số: 273/2023/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ/CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.184.625.605.797</b>	<b>2.013.250.292.260</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>26.948.178.002</b>	<b>54.727.881.598</b>
1. Tiền	111		26.948.178.002	54.727.881.598
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>1.874.079.611</b>	<b>1.874.079.611</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.874.079.611	1.874.079.611
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.499.583.847.687</b>	<b>1.296.330.916.092</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.108.732.679.629	915.964.683.185
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	170.367.058.384	99.100.081.062
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	226.988.398.414	287.770.440.585
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.504.288.740)	(6.504.288.740)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>641.301.049.369</b>	<b>636.816.838.269</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	641.301.049.369	636.816.838.269
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.918.451.128</b>	<b>23.500.576.690</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	376.915.345	950.347.506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.961.388.246	15.222.021.729
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	11.580.147.537	7.328.207.455
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>658.822.579.126</b>	<b>696.124.016.845</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>560.700.000</b>	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	560.700.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>327.217.234.841</b>	<b>336.659.824.122</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	323.860.534.441	336.487.957.637
- Nguyên giá	222		393.614.320.442	396.871.421.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.753.786.001)	(60.383.463.943)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	3.247.151.515	-
- Nguyên giá	225		3.398.181.818	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(151.030.303)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	109.548.885	171.866.485
- Nguyên giá	228		1.024.895.600	1.024.895.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.346.715)	(853.029.115)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	<b>70.267.869.083</b>	<b>71.352.913.997</b>
1. Nguyên giá	231		77.144.485.883	77.144.485.883
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.876.616.800)	(5.791.571.886)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.475.451.724</b>	<b>4.475.451.724</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	4.475.451.724	4.475.451.724
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>222.554.092.695</b>	<b>245.889.419.454</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	5.14	166.479.222.695	190.114.777.454
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.14	8.874.642.000	8.874.642.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	47.200.228.000	46.900.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.747.230.783</b>	<b>37.746.407.548</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	33.747.230.783	37.746.407.548
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.843.448.184.923</b>	<b>2.709.374.309.105</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2.179.333.690.683</b>	<b>2.042.404.529.626</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.035.841.046.093</b>	<b>1.893.288.247.909</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	643.995.823.843	790.208.273.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	124.376.614.328	110.602.402.665
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	2.574.218.261	1.395.929.827
4. Phải trả người lao động	314		8.487.344.153	10.965.481.724
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.442.174.419	532.272.673
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.311.608.640	2.923.716.102
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	78.779.118.002	49.514.135.178
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.174.073.620.150	925.588.552.714
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		624.824.297	930.783.146
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		175.700.000	626.700.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>143.492.644.590</b>	<b>149.116.281.717</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	143.492.644.590	149.116.281.717
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>664.114.494.240</b>	<b>666.969.779.479</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>664.114.494.240</b>	<b>666.969.779.479</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		506.819.270.000	506.819.270.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		506.819.270.000	506.819.270.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.567.846.314	67.567.846.314
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.000.000.000	13.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.719.924.370	59.739.456.268
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		53.896.559.091	44.554.829.854
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		3.823.365.279	15.184.635.414
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.007.453.556	19.843.206.897
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.843.448.184.923</b>	<b>2.709.374.309.105</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập

Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng

Ngô Thị Minh Nguyệt

Tổng Giám đốc



Trần Hồng Phúc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	737.320.735.439	708.909.250.387
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	737.320.735.439	708.909.250.387
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	676.897.185.445	645.649.777.271
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>60.423.549.994</b>	<b>63.259.473.116</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.866.489.222	706.871.358
7. Chi phí tài chính	22	6.4	32.033.769.116	23.337.217.683
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>31.090.833.506</i>	<i>23.032.858.197</i>
<b>8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>24</b>		<b>7.322.418</b>	<b>(864.300.723)</b>
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	18.581.819	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	27.021.472.662	23.219.189.206
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>3.223.538.037</b>	<b>16.545.636.862</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	5.078.714.542	7.538.114.712
13. Chi phí khác	32	6.6	3.719.247.791	4.607.727.732
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>1.359.466.751</b>	<b>2.930.386.980</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.583.004.788</b>	<b>19.476.023.842</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.595.392.850	3.966.823.680
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2.987.611.938</b>	<b>15.509.200.162</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		3.823.365.279	15.184.635.414
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(835.753.341)	324.564.748
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	75	300

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023



Tổng Giám đốc

Trần Hồng Phúc





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.583.004.788	19.476.023.842
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		10.835.897.532	11.315.860.719
- Các khoản dự phòng	03		(305.958.849)	(165.727.818)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.110.058.226)	(4.560.378.767)
- Chi phí lãi vay	06		31.090.833.506	23.032.858.197
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.093.718.751	49.098.636.173
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(177.530.644.165)	12.249.922.360
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.484.211.100)	(20.242.072.008)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(105.560.089.587)	(46.669.106.731)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.572.608.926	(4.353.890.743)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.090.833.506)	(23.032.858.197)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.844.590)	(5.544.822.710)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(451.000.000)	(5.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(270.453.295.271)</b>	<b>(38.499.191.856)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.648.601.515)	(5.547.203.291)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.583.907.182	5.674.301.481
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(300.228.000)	(20.000.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(85.860.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.264.965.535	58.849.121
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>900.043.202</b>	<b>(105.674.052.689)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		908.033.690.914	605.823.735.179
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(665.172.260.605)	(490.652.351.463)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.087.881.836)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(45.360.030)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>241.773.548.473</b>	<b>115.126.023.686</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50		<b>(27.779.703.596)</b>	<b>(29.047.220.859)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	54.727.881.598	57.871.138.441
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	26.948.178.002	28.823.917.582

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023  
 Tổng Giám đốc  
**PHỤC HƯNG HOLDINGS**  
 Q. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Trần Hồng Phúc



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2002.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 7 năm 2001. Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010, Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 29/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311315 thay đổi lần thứ 15 ngày 29/12/2021 là 506.819.270.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm mười chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán PHC.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà C12 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2023 là 567 người (tại ngày 31/12/2022 là 582 người)

#### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: *Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;*
- Chuẩn bị mặt bằng: *Chi tiết: xử lý nền móng công trình;*
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí: *Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa bảo hành hệ thống điều hòa không khí, điện lạnh; Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải;*
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: *Chi tiết: Sản xuất thực phẩm;*
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh: *Chi tiết: Sản xuất rượu;*
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia: *Chi tiết: Sản xuất bia;*
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: *Chi tiết: Sản xuất nước giải khát;*
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: *Chi tiết: Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;*
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: *Chi tiết: Kinh doanh phát triển nhà; Kinh doanh bất động sản;*
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: *Chi tiết: môi giới bất động sản;*
- .....

Trong kỳ hoạt động chính của Công ty là thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, phát triển dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và Chi nhánh như sau:

*Các Công ty con, Công ty liên kết, cụ thể bao gồm:*

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Các Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng	Hà Nội	Quản lý và khai thác thiết bị xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng	Hà Nội	Quản lý và thi công cơ điện	70,00%	70,00%
Công ty TNHH Đầu tư PIK	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Phú Lâm	Đăk Nông	Sản xuất thủy điện	80,00%	80,00%
<b>Các Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An phú Hưng	Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản	46,00%	46,00%
Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc An Thịnh Phát	Nghệ An	Đầu tư kinh doanh bất động sản	32,44%	32,44%

*Các chi nhánh bao gồm:*

- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh miền Nam;
- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (tạm ngừng hoạt động);
- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings - Chi nhánh Thăng Long.

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trong kỳ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, các Công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Quản lý thiết bị xây dựng Phục Hưng, Công ty Cổ phần Cơ điện Phục Hưng, Công ty TNHH Đầu tư PIK, Công ty Cổ phần Phú Lâm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Lãnh đạo Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

##### **Các khoản đầu tư khác**

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

##### **Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao thời gian từ 03 đến 05 năm.

**Nguyên tắc kế toán thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	08

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

#### **Số năm**

Nhà cửa và vật kiến trúc

20 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều năm kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng). Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ, phù hợp với thời gian thuê tài sản.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng (vật tư hàng hóa, hàng hóa bất động sản,...), doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng và phí dịch vụ, cho thuê thiết bị),...

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản

**Doanh thu Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### **Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp, bán hàng và kinh doanh bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

#### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **Báo cáo bộ phận**

Về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Công ty phân biệt 02 (hai) bộ phận: hoạt động xây lắp; hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động khác. Tuy nhiên, trong năm doanh thu và lợi nhuận hoạt động kinh doanh bất động sản và hoạt động khác chiếm chưa đến 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong năm. Về bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty hoạt động trong khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam, không có khác biệt về rủi ro, lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	4.635.406.596	4.866.297.256
Tiền gửi ngân hàng	22.312.771.406	49.861.584.342
<b>Tổng</b>	<b>26.948.178.002</b>	<b>54.727.881.598</b>

**5.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	1.874.079.611	1.874.079.611	1.874.079.611	1.874.079.611
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (*)	1.874.079.611	1.874.079.611	1.874.079.611	1.874.079.611
<b>Dài hạn</b>	47.200.228.000	47.200.228.000	46.900.000.000	46.900.000.000
- Trái phiếu (**)	47.200.228.000	47.200.228.000	46.900.000.000	46.900.000.000
<b>Tổng</b>	<b>49.074.307.611</b>	<b>49.074.307.611</b>	<b>48.774.079.611</b>	<b>48.774.079.611</b>

(\*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn Công ty có dùng để thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 1.771.000.000 đồng.

(\*\*) Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu phát hành ra công chúng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 19/12/2018; Mã Trái phiếu: BID2\_18.06\_06135 ngày 19/12/2018; Số lượng: 1.490 Trái phiếu; Mệnh giá 1 Trái phiếu là 10.000.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn Trái phiếu là 10 năm; Ngày phát hành 19/12/2018; Ngày đáo hạn 19/12/2028; Phương thức trả lãi: định kỳ 1 năm 1 lần vào ngày thanh toán lãi Trái phiếu.

Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu BIDL2128002C cấp lần 1, Sở hữu trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Số lượng: 200.000 tại ngày 25/01/2022; Mệnh giá một trái phiếu: 100.000 VND; Tổng mệnh giá trái phiếu: 20.000.000.000 VND; Thời hạn trái phiếu: 7 năm; Lãi suất: Theo quy định tại Bản Cáo Bạch; Phương thức trả lãi: định kỳ 01 năm một lần kể từ ngày phát sinh.

Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày, mã trái phiếu: BIDL112228030. Mệnh giá 100.000.000 đồng. Ngày phát hành: 25/11/2022, kỳ hạn trái phiếu: 6 năm. Lãi suất trái phiếu bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,3%/năm. Số lượng: 120 trái phiếu. Tổng mệnh giá 12.000.000.000 đồng. Ngày thực hiện quyền mua lại: 25/11/2023. Trường hợp TCPH không thực hiện quyền mua lại, lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ thanh toán lãi thứ 6 cho đến khi trái phiếu đáo hạn sẽ bằng lãi suất tham chiếu cộng 6,3%/năm. Phương thức trả lãi: trả sau, định kỳ hàng năm vào ngày thanh toán lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP	4.246.101.400	4.246.101.400
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật VNCN E&C	48.242.308.370	45.865.835.557
Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam	27.331.355.900	27.522.653.714
Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Đông Đô - BQP	62.536.087.965	62.536.087.965
Công ty cổ phần tập đoàn Ecopark	54.527.750.598	26.629.762.982
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất	167.849.700.025	164.849.700.025
Thương mại Tài Nguyên		
Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Trung Yên	24.877.679.417	25.877.679.417
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Pros	77.108.636.056	-
Công ty cổ phần bất động sản tập đoàn	44.296.172.775	50.272.357.409
Tân Á Đại Thành - Meyland		
Chi nhánh Hà Tây - Công ty Cổ phần Tập Đoàn	36.242.114.711	41.189.980.647
Nam Cường Hà Nội		
Công ty cổ phần HBI	94.323.529.167	36.394.028.749
Các đối tượng khác (*)	467.151.243.245	430.580.495.320
<b>Tổng</b>	<b>1.108.732.679.629</b>	<b>915.964.683.185</b>

*Trong đó: Phải thu các bên liên quan xem tại  
Thuyết minh số 7.1*

*59.654.000.000      41.800.000.000*

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng.

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển thương mại Lâm Anh	-	6.099.557.557
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phú Hưng	6.670.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Phục Hưng 7	25.842.846.472	2.529.665.095
Các đối tượng khác (*)	137.854.211.912	90.470.858.410
<b>Tổng</b>	<b>170.367.058.384</b>	<b>99.100.081.062</b>

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản trả trước cho người bán có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ trả trước cho người bán.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu,  
Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số
Phải thu ngắn hạn khác	226.988.398.414	-	287.770.440.585
- Công ty Cổ phần Cơ Giới và XD Thăng Long	3.000.000.000	-	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 06 Thăng Long	1.500.000.000	-	1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng 7	-	-	1.200.000.000
- Công ty CP Đầu tư Tài Nguyên và Năng Lượng Điện Biên	42.566.287.142	-	-
- Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	22.634.911.208	-	42.566.287.142
- Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	56.035.838.118	-	6.834.551.208
- Các đối tượng khác (*)	98.896.080.445	-	119.688.445.033
- Tạm ứng	2.355.281.501	-	111.258.249.720
- Kỳ quỹ ký cược ngắn hạn	560.700.000	-	1.722.907.482
<b>Dài hạn</b>	<b>227.549.098.414</b>	<b>-</b>	<b>287.770.440.585</b>
<b>Tổng</b>	<b>6.834.551.208</b>	<b>-</b>	<b>6.834.551.208</b>

*Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan  
xem tại Thuyết minh số 7.1*

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu,  
Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.6 Nợ xấu**

	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tiềm năng	409.412.885	409.412.885	-	409.412.885	409.412.885	-
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu- Sài Gòn	2.483.981.107	1.458.810.080	1.025.171.027	2.483.981.107	1.458.810.080	1.025.171.027
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	1.330.119.400	1.330.119.400	-	1.330.119.400	1.330.119.400	-
Công ty Xây dựng 201	281.467.000	281.467.000	-	281.467.000	281.467.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	539.593.754	537.127.421	2.466.333	539.593.754	537.127.421	2.466.333
Công ty TNHH Hoàng Khôi	257.898.800	257.898.800	-	257.898.800	257.898.800	-
Công ty CP đầu tư xây lắp dầu khí IMICO	13.044.263.372	500.000.000	12.544.263.372	13.044.263.372	500.000.000	12.544.263.372
Ban Quản lý Các dự án từ nguồn vốn Ngân sách- Sở khoa học và công nghệ Hà Nội	414.116.000	204.973.779	209.142.221	414.116.000	204.973.779	209.142.221
Công ty cổ phần Xi măng Mai Sơn	6.967.785.707	174.194.643	6.793.591.064	6.967.785.707	174.194.643	6.793.591.064
Các đối tượng khác	1.350.284.732	1.350.284.732	-	1.350.284.732	1.350.284.732	-
<b>Tổng</b>	<b>27.078.922.757</b>	<b>6.504.288.740</b>	<b>20.574.634.017</b>	<b>27.078.922.757</b>	<b>6.504.288.740</b>	<b>20.574.634.017</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tô Hữu,  
Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.7 Hàng tồn kho**

Nguyên liệu, vật liệu  
Công cụ, dụng cụ  
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang  
Hàng hóa  
Tổng

	30/6/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
	415.438.511	3.162.110.015
	2.099.576.245	5.009.988.444
	638.194.192.614	603.733.368.917
	591.841.999	24.911.370.893
	641.301.049.369	636.816.838.269

**Chi tiết các công trình dở dang**

Dự án chung cư Golden Land 275 Nguyễn Trãi  
Hỗn hợp cao tầng (21 tầng) Flamingo Linh Trường  
Khu căn hộ Thủy Tiên (TRT05-TRT06)- Ecopark  
Dự án khu đô thị mới MIK Tây Mỗ, Đại Mỗ - Vinhomes Smart City  
Tổ hợp Mỹ Đình Pearl – Giai đoạn 2  
Biệt thự Meyhomes Phú Quốc  
Dự án chung cư cao tầng HH2 Gamuda City  
Các dự án khác

	30/6/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
	Giá gốc	Giá gốc
	thu hồi	thu hồi
	43.008.568.025	43.008.568.025
	9.873.291.570	9.873.291.570
	40.935.134.052	40.935.134.052
	39.570.477.753	39.570.477.753
	66.800.001.674	66.800.001.674
	2.138.794.775	2.138.794.775
	99.084.943.805	99.084.943.805
	336.782.980.960	336.782.980.960
	638.194.192.614	638.194.192.614
	Giá gốc	Giá gốc
	thu hồi	thu hồi
	41.906.199.665	41.906.199.665
	54.488.553.642	54.488.553.642
	23.887.693.347	23.887.693.347
	53.040.870.065	53.040.870.065
	73.174.206.458	73.174.206.458
	2.658.348.553	2.658.348.553
	98.386.280.825	98.386.280.825
	256.191.216.362	256.191.216.362
	603.733.368.917	603.733.368.917

**Tổng**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>376.915.345</b>	<b>950.347.506</b>
Công cụ dụng cụ	146.745.957	748.719.585
Chi phí bảo hiểm	32.874.052	85.472.536
Chi phí khác	197.295.336	116.155.385
<b>Dài hạn</b>	<b>33.747.230.783</b>	<b>37.746.407.548</b>
Công cụ dụng cụ	33.747.230.783	36.945.432.585
Chi phí vận chuyển di dời kho	-	800.974.963
<b>Tổng</b>	<b>34.124.146.128</b>	<b>38.696.755.054</b>







**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu,  
Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2023	219.811.090.082	81.619.836.244	20.989.170.406	1.202.499.623	73.248.825.225	396.871.421.580	
Tăng trong kỳ	-	101.200.000	-	300.250.000	-	401.450.000	
Mua trong kỳ	-	101.200.000	-	300.250.000	-	401.450.000	
Giảm trong kỳ	-	3.658.551.138	-	-	-	3.658.551.138	
Thanh lý, nhượng bán	-	3.658.551.138	-	-	-	3.658.551.138	
Số dư tại 30/6/2023	219.811.090.082	78.062.485.106	20.989.170.406	1.502.749.623	73.248.825.225	393.614.320.442	

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư tại 01/01/2023	20.204.369.922	27.411.305.346	8.461.422.423	526.658.542	3.779.707.710	60.383.463.943	
Tăng trong kỳ	4.276.920.488	3.217.029.295	864.832.965	111.071.850	1.218.680.420	9.688.535.018	
Khấu hao trong kỳ	4.276.920.488	3.217.029.295	864.832.965	111.071.850	1.218.680.420	9.688.535.018	
Giảm trong kỳ	-	318.212.960	-	-	-	318.212.960	
Thanh lý, nhượng bán	-	318.212.960	-	-	-	318.212.960	
Số dư tại 30/6/2023	24.481.290.410	30.310.121.681	9.326.255.388	637.730.392	4.998.388.130	69.753.786.001	

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2023	199.606.720.160	54.208.530.898	12.527.747.983	675.841.081	69.469.117.515	336.487.957.637	
Tại 30/6/2023	195.329.799.672	47.752.363.425	11.662.915.018	865.019.231	68.250.437.095	323.860.534.441	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 6.478.346.344 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 2.603.506.544 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm có các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 304.763.272.700 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 313.461.673.089 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NIỆT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2023		-
Tăng trong kỳ	3.398.181.818	3.398.181.818
Mua trong kỳ	3.398.181.818	3.398.181.818
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2023	<u>3.398.181.818</u>	<u>3.398.181.818</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2023		-
Tăng trong kỳ	151.030.303	151.030.303
Khấu hao trong kỳ	151.030.303	151.030.303
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2023	<u>151.030.303</u>	<u>151.030.303</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2023	-	-
Tại 30/06/2023	<u>3.247.151.515</u>	<u>3.247.151.515</u>

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Phần mềm tin học</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2023	1.024.895.600	1.024.895.600
Tăng trong kỳ	-	-
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư tại 30/6/2023	<u>1.024.895.600</u>	<u>1.024.895.600</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2023	853.029.115	853.029.115
Tăng trong kỳ	62.317.600	62.317.600
Khấu hao trong kỳ	62.317.600	62.317.600
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2023	<u>915.346.715</u>	<u>915.346.715</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2023	171.866.485	171.866.485
Tại 30/6/2023	<u>109.548.885</u>	<u>109.548.885</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.12 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	77.144.485.883	-	-	77.144.485.883
- Nhà và Quyền sử dụng đất	77.144.485.883	-	-	77.144.485.883
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	5.791.571.886	1.085.044.914	-	6.876.616.800
- Nhà và Quyền sử dụng đất	5.791.571.886	1.085.044.914	-	6.876.616.800
<b>Giá trị còn lại</b>	71.352.913.997	(1.085.044.914)	-	70.267.869.083
- Quyền sử dụng đất	71.352.913.997	(1.085.044.914)	-	70.267.869.083

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 70.267.869.083 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 71.352.913.997 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Tại thời điểm 20/09/2022, Công ty có thực hiện thuê đơn vị có Chức năng thẩm định giá để xác định giá trị hợp lý của các Bất động sản Công ty là chủ sở hữu (Giá trị bất động sản theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số CN 566356, CP 777449, CP 555914, CN 868908, DC 402746, DC 402745, DC 402743, DC 402742 và CR 555422) với giá trị là 289.480.000.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 200922/TĐG-CT ngày 20/9/2022 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO Thẩm định giá trị tài sản cho mục đích Tham khảo làm cơ sở thế chấp vốn vay Ngân hàng.

**5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí xây dựng phần mềm	1.326.880.000	1.326.880.000
Chi phí xây dựng và hoàn thiện quy chế Quản trị hiện đại và định hướng tương lai	130.909.091	130.909.091
Chi phí xây dựng Công trình nhà kho Lương Sơn	2.994.862.633	2.994.862.633
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	22.800.000	22.800.000
<b>Tổng</b>	<b>4.475.451.724</b>	<b>4.475.451.724</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Ván,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Tỷ lệ	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			166.479.222.695	-	-	190.114.777.454
	46,00%	46,00%	83.757.222.695	-	-	83.749.900.277
	32,44%	32,44%	-	-	-	23.642.877.177
			82.722.000.000	-	-	82.722.000.000
			8.874.642.000	-	-	8.874.642.000
			24.642.000	-	-	24.642.000
	16,25%	16,25%	8.850.000.000	-	-	8.850.000.000
<b>Tổng</b>			<b>175.353.864.695</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>	<b>198.989.419.454</b>

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*): Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội theo Nghị quyết 06/NQ/2023/PHC-HĐQT ngày 07/3/2023 của Hội đồng quản trị.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.15 Phải trả người bán**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>643.995.823.843</b>	<b>643.995.823.843</b>	<b>790.208.273.880</b>	<b>790.208.273.880</b>
Công ty Cổ phần Kycons	18.037.352.723	18.037.352.723	16.867.352.723	16.867.352.723
Công ty Cổ phần Fountech	14.530.146.342	14.530.146.342	18.530.146.342	18.530.146.342
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển Việt Tiếp	3.606.482.112	3.606.482.112	25.244.260.269	25.244.260.269
Công ty Cổ phần ĐT và XD Long Hưng	2.225.825.985	2.225.825.985	2.225.825.985	2.225.825.985
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật An Nam	769.593.848	769.593.848	769.593.848	769.593.848
Công ty TNHH Việt Đức	852.292.500	852.292.500	1.352.292.500	1.352.292.500
Công ty TNHH thương mại và xây dựng Thu Ngân	3.263.210.512	3.263.210.512	1.966.432.319	1.966.432.319
Công ty Cổ phần Xây dựng Lâm Hoàng Anh	62.419.457.453	62.419.457.453	85.787.786.897	85.787.786.897
Công ty TNHH Văn Lang	43.884.063.417	43.884.063.417	44.884.063.417	44.884.063.417
Công ty Cổ phần Thương mại Cơ Điện Lạnh Tân Phát	710.290.366	710.290.366	710.290.366	710.290.366
Công ty Cổ phần Xây dựng Phúc Hưng CONS	3.528.255.769	3.528.255.769	3.528.255.769	3.528.255.769
Công ty Cổ phần xây dựng PHCONS	3.782.062.892	3.782.062.892	10.383.821.203	10.383.821.203
Các đối tượng khác (*)	486.386.789.924	486.386.789.924	577.958.152.242	577.958.152.242
<b>Tổng</b>	<b>643.995.823.843</b>	<b>643.995.823.843</b>	<b>790.208.273.880</b>	<b>790.208.273.880</b>

*Trong đó: Phải trả các bên liên quan xem tại Thuyết minh số 7.1*

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả người bán của các đối tượng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.16 Người mua ứng tiền trước**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Pros	-	21.804.204.231
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	45.788.333.527	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tổng hợp	21.598.022.270	5.510.636.003
Công ty TNHH Phần mềm FPT	3.463.555.667	4.288.066.114
Các đối tượng khác (*)	53.526.702.864	63.999.496.317
<b>Tổng</b>	<b>124.376.614.328</b>	<b>110.602.402.665</b>

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản người mua ứng tiền trước của các đối tượng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ người mua ứng tiền trước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.17 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ
<b>Phải nộp</b>	<b>1.395.929.827</b>	<b>3.541.249.420</b>	<b>2.574.218.261</b>
Thuế giá trị gia tăng	453.751.436	383.205.550	499.869.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.475.505.610	2.844.590
Thuế thu nhập cá nhân	479.433.426	993.579.248	1.102.946.859
Thuế tài nguyên	462.744.965	660.247.325	728.588.287
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	25.711.687	25.711.687
<b>Phải thu</b>	<b>7.328.207.455</b>	<b>119.887.240</b>	<b>11.580.147.537</b>
Thuế giá trị gia tăng	7.201.354.932	-	4.355.274.055
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119.887.240	119.887.240	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.965.283	-	16.553.267
			23.518.550





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.18 Các khoản phải trả**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>78.779.118.002</b>	<b>49.514.135.178</b>
Kinh phí công đoàn	909.167.838	874.629.710
Bảo hiểm xã hội	1.255.663.662	279.951.963
Bảo hiểm y tế	12.718.094	16.536.312
Bảo hiểm thất nghiệp	5.352.048	7.134.192
Các khoản phải trả, phải nộp khác	76.596.216.360	48.335.883.001
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>609.923.940</i>	<i>609.923.940</i>
<i>Chi nhánh - Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Nguyên và Năng</i>	<i>-</i>	<i>2.272.000.000</i>
<i>Lượng Điện Biên</i>	<i>75.986.292.420</i>	<i>45.453.959.061</i>
<i>Các khoản phải trả khác (*)</i>		
<b>Tổng</b>	<b>78.779.118.002</b>	<b>49.514.135.178</b>

(\*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả các đối tượng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả khác.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tô Hữu, Phường Trung Vãn,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Các khoản vay ngắn và dài hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.174.073.620.150	1.174.073.620.150	907.369.446.205	658.884.378.769	925.588.552.714
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (1)	1.154.986.309.568	1.154.986.309.568	901.014.690.914	652.659.828.769	906.631.447.423
Vay các cá nhân	3.289.800.000	3.289.800.000	3.281.000.000	2.900.000.000	2.908.800.000
Vay dài hạn đến hạn trả	15.797.510.582	15.797.510.582	3.073.755.291	3.324.550.000	16.048.305.291
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (2)	143.492.644.590	143.492.644.590	3.738.000.000	9.361.637.127	149.116.281.717
Vay dài hạn	135.842.526.426	135.842.526.426	-	8.273.755.291	144.116.281.717
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (2)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội (3)	2.650.118.164	2.650.118.164	3.738.000.000	1.087.881.836	-
Nợ Thuế tài chính	-	-	-	-	-
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam - VILC (4)	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.317.566.264.740</b>	<b>1.317.566.264.740</b>	<b>911.107.446.205</b>	<b>668.246.015.896</b>	<b>1.074.704.834.431</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS

Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trưng Vãn,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014  
của Bộ Tài chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

#### 5.19 Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/36032/HĐTD ký ngày 29/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings với Hạn mức cấp tín dụng là 2.265.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Khách hàng được chuyển tiếp từ Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/3602/HĐTD ngày 30/9/2020 và Phụ lục hợp đồng số PL1-01/2021/36032/HĐTD sang. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Thời hạn cấp hạn mức tối đa đến hết ngày 30/09/2023. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể cho từng lần giải ngân. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, L/C được phát hành.

(2) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô theo các hợp đồng sau :

+ Hợp đồng tín dụng số 07/2018/36032/HĐTD ngày 28/8/2018 với số tiền vay trên hợp đồng: 2.130.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 31/12/2018: 11,1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/1 lần vào ngày đầu tiên Quý I và Quý III hàng năm, được áp dụng theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Góc vay trả vào ngày 25 của tháng cuối quý, bắt đầu từ Quý III/2018 đến hết ngày 28/8/2023 theo lịch trả nợ, lãi vay trả ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay vốn đầu tư mua 02 bộ cầu thép QTZ160(TC6024) để nâng cao năng lực thi công của công ty. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng tín dụng số 02/2019/36032/HĐTD ngày 05/3/2019 với số tiền vay trên hợp đồng: 11.625.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30/6/2019: 11.1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Góc vay trả trong 20 kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: thanh toán tiền vãn khuôn nhôm. Thời hạn vay: 60 tháng. Biện pháp bảo đảm: tài sản hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2019/36032/HĐTD ngày 22/02/2019 với số tiền vay trên hợp đồng: 12.877.850.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân đến ngày 30/6/2019: 11.1%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Góc vay trả trong 20 kỳ vào ngày 25 hàng tháng, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền vãn khuôn nhôm, thời hạn vay: 60 tháng. Biện pháp bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô theo HĐ: 01/2022/36032/TH/HĐTD ngày 29/09/2022. Hạn mức cấp tín dụng với tổng số tiền tối đa là 8.731.000.000 VND. Mục đích: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp là gián giáo Ringlock Standard và Ringlock Ledger mới 100% xuất xứ Trung Quốc. Lãi suất: Quy định trên hợp đồng cụ thể. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/Ký quỹ (gọi chung là hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước, cùng ngày sau ngày ký hợp đồng này.

+ Hợp đồng tín dụng 01/2020/3558496/HĐTD ngày 25/8/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Đô và Công ty Cổ phần Phú Lâm; Số tiền vay: 160.000.000.000 đồng; Thời hạn vay là 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay 8%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân, lãi suất cho vay sau thời gian ưu đãi được xác định bằng lãi suất cơ sở ( lãi suất tiết kiệm dân cư trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng) theo thông báo của BIDV tại thời điểm công biên độ 4,0%, điều chỉnh 5 tháng 1 lần vào ngày đầu tiên của Quý I và Quý III hàng năm theo quy định của BIDV từng thời kỳ; Mục đích vay sử dụng Dự án thủy điện Đăk sor 2; biện pháp bảo đảm thực hiện theo hợp đồng cầm cố thế chấp bảo lãnh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**  
Tầng 1, Tháp A, Tòa nhà CT2 (The Light), Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)**

- (3): Hợp đồng số 125/2020/MXH-PL ngày 12/5/2020 giữa Công ty Cổ phần Nhà Máy Xuân Hà Nội và Công ty Cổ phần Phú Lâm, Vay số tiền là 5.000.000.000 đồng; Lãi suất 10%/năm; mục đích sử dụng vào đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Đắk Sor 2; Thời hạn cho vay tối đa 15 năm kể từ ngày 12/5/2020.
- (4): Khoản vay theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2022-00339-000 ngày 22/2/2023 giữa Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (VILC) và Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings; tên thiết bị thuê: Cầu thép đầu bằng XGT7020-10S1, đã qua sử dụng, giá 3.738.000.000 thời hạn thuê 24 tháng, lãi thuê 8,6 %/năm; trong đó lãi cơ bản 8,5%/năm, lãi suất chỉ định 0,1%/năm.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.20 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
				chưa phân phối	sau thuế		
Số dư tại 01/01/2022	506.819.270.000	67.567.846.314	13.000.000.000	88.249.653.673	20.273.361.560		695.910.131.547
Lãi trong năm trước	-	-	-	20.269.365.218	(430.154.663)		19.839.210.555
Trả cổ tức	-	-	-	(40.545.541.600)	-		(40.545.541.600)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	-	-	-	(3.027.427.160)	-		(3.027.427.160)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.000.000.000)	-		(1.000.000.000)
Thanh lý Công ty liên kết	-	-	-	(4.206.593.863)	-		(4.206.593.863)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>506.819.270.000</b>	<b>67.567.846.314</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>59.739.456.268</b>	<b>19.843.206.897</b>		<b>666.969.779.479</b>
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>506.819.270.000</b>	<b>67.567.846.314</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>59.739.456.268</b>	<b>19.843.206.897</b>		<b>666.969.779.479</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.823.365.279	(835.753.341)		2.987.611.938
Thanh lý Công ty liên kết	-	-	-	(5.842.897.177)	-		(5.842.897.177)
<b>Số dư tại 30/6/2023</b>	<b>506.819.270.000</b>	<b>67.567.846.314</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>57.719.924.370</b>	<b>19.007.453.556</b>		<b>664.114.494.240</b>







**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cao Tùng Lâm	59.119.900.000	59.119.900.000
Các cổ đông khác	447.699.370.000	447.699.370.000
<b>Tổng</b>	<b>506.819.270.000</b>	<b>506.819.270.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	506.819.270.000	506.819.270.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	506.819.270.000	506.819.270.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	40.545.541.600

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.681.927	50.681.927
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.681.927	50.681.927
Cổ phiếu phổ thông	50.681.927	50.681.927
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.681.927	50.681.927
Cổ phiếu phổ thông	50.681.927	50.681.927
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	573.557.617.699	673.642.796.365
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	132.971.957.740	35.266.454.022
Doanh thu kinh doanh bất động sản	30.791.160.000	-
<b>Tổng</b>	<b>737.320.735.439</b>	<b>708.909.250.387</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
<b>Tổng</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	573.557.617.699	673.642.796.365
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	132.971.957.740	35.266.454.022
Doanh thu kinh doanh bất động sản	30.791.160.000	-
<b>Tổng</b>	<b>737.320.735.439</b>	<b>708.909.250.387</b>

**6.2 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	520.333.962.581	614.973.130.003
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	132.243.693.970	30.676.647.268
Giá vốn kinh doanh bất động sản	24.319.528.894	-
<b>Tổng</b>	<b>676.897.185.445</b>	<b>645.649.777.271</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.812.469.222	706.871.358
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	54.020.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.866.489.222</b>	<b>706.871.358</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	31.090.833.506	23.032.858.197
Chi phí hoạt động tài chính khác	942.935.610	304.359.486
<b>Tổng</b>	<b>32.033.769.116</b>	<b>23.337.217.683</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>18.581.819</b>	-
Chi phí bằng tiền khác	18.581.819	-
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>27.021.472.662</b>	<b>23.219.189.206</b>
Chi phí nhân viên quản lý	14.854.603.310	10.438.664.482
Chi phí đồ dùng văn phòng	104.763.636	35.473.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.918.661.973	3.657.143.061
Thuế phí và lệ phí	18.322.497	19.821.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.484.773.598	2.117.891.120
Chi phí bằng tiền khác	7.640.347.648	6.950.195.192
Phân bổ lợi thế thương mại	-	-
<b>Tổng</b>	<b>27.040.054.481</b>	<b>23.219.189.206</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ thanh lý tài sản, Công cụ dụng cụ	3.583.907.182	5.674.301.481
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường bảo hiểm sửa chữa kênh	560.791.007	189.773.500
Cung cấp tiện ích cho nhà thầu tại các công trường	40.708.200	50.000.000
Thu nhập khác	893.308.153	1.624.039.731
<b>Tổng</b>	<b>5.078.714.542</b>	<b>7.538.114.712</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản, thiết bị thanh lý	3.340.338.178	1.820.794.072
Bảo hành các công trình	135.690.702	905.194.863
Chi phí khác	243.218.911	1.881.738.797
<b>Tổng</b>	<b>3.719.247.791</b>	<b>4.607.727.732</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.359.466.751</b>	<b>2.930.386.980</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.595.392.850	3.966.823.680
<b>Tổng</b>	<b>1.595.392.850</b>	<b>3.966.823.680</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.987.611.938	15.509.200.162
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(835.753.341)	324.564.748
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.823.365.279	15.184.635.414
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	50.681.927	50.681.927
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)</b>	<b>75</b>	<b>300</b>

(\*): Công ty chưa có dự tính phần trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	195.334.622.952	262.717.314.385
Chi phí nhân công	42.696.363.359	29.084.228.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.986.927.835	8.096.655.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.640.479.423	414.095.851.014
Chi phí khác bằng tiền	66.997.006.057	51.466.380.869
<b>Tổng</b>	<b>655.655.399.626</b>	<b>765.460.430.039</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch các bên liên quan**

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng 7	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và những người quản lý khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	1.403.651.711	1.348.385.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương	1.735.560.052	1.820.188.800



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Cao Tùng Lâm	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Trần Huy Tường	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Công Khanh	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Đỗ Nguyên An	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000
Trần Hồng Phúc	Thành viên HĐQT	108.000.000	108.000.000

**Thù lao thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Nguyễn Như Phi	Thành viên	108.000.000	108.000.000
Phạm Thị Thanh Tuyền	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Cao Xuân Dũng	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000

**Tiền lương của TGD và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Cao Tùng Lâm	Chủ tịch HĐQT	467.651.711	412.385.000
Trần Hồng Phúc	Tổng Giám đốc	355.104.020	334.237.000
Đỗ Nguyên An	Thành viên HĐQT	-	241.882.000
Trần Thắng Lợi	Phó Tổng giám đốc	271.731.233	247.609.000
Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng giám đốc	270.323.073	261.420.200
Lê Quốc Tuấn	Phó Tổng giám đốc	271.649.873	247.501.600
Lã Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/06/21)	37.680.500	-
Đặng Trọng Đức	Trợ lý Chủ tịch HĐQT/Phụ trách quản trị	261.603.335	239.698.800
Ngô Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	267.468.018	247.840.200

**Số dư các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2023	01/01/2023
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>59.654.000.000</b>	<b>41.800.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết	59.654.000.000	41.800.000.000
<b>Phải thu khác</b>		<b>6.834.551.208</b>	<b>6.834.551.208</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh An Phú Hưng	Công ty liên kết	6.834.551.208	6.834.551.208



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

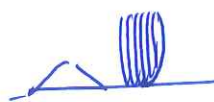
Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh hợp nhất liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Hà Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Hồng Phúc

